

Bản án số: **64/2021/HS-PT**
Ngày: 06 - 7 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Vũ Tiến.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hưng Bính và ông Trương Quốc Công.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Năm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, (số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố H) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2021/TLPT-HS ngày 20/4/2021 đối với bị cáo Lê Phú K và bị cáo Trần Tường T, do có kháng cáo của bị cáo K, bị cáo T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2021/HS-ST ngày 10/3/2021 của Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Phú K, sinh ngày: 03/6/1996 tại Thừa Thiên Huế; giới tính: Nam; nơi cư trú: Tổ 6, phường C, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ văn hóa: 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Phú V, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1958; gia đình có 08 anh em ruột, bị cáo là con thứ 7; chung sống như vợ chồng với Trần Tường T; con: Có 02 con, lớn nhất sinh ngày 05/5/2019, nhỏ nhất sinh ngày 06/12/2020; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, đi học văn hoá lớp 08/12 thì nghỉ học ở nhà sau đó học và làm nghề cơ khí.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/9/2020 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế - Có mặt.

2. Trần Tường T (Tên gọi khác: U), sinh ngày 12/4/1999 tại Thừa Thiên Huế; giới tính: Nữ; nơi ĐKNKTT : 44/131 đường T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Chỗ ở hiện nay : Tổ dân phố L, phường C, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; cha: Không rõ; mẹ: Trần Tường L, sinh năm 1976; gia đình có 02 anh em ruột, bị cáo là con thứ 2; chung sống như vợ

chồng với Lê Phú K; con: Có 02 con, lớn nhất sinh ngày 05/5/2019, nhỏ nhất sinh ngày 06/12/2020; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, đi học văn hoá lớp 09/12 thì nghỉ học ở nhà.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “ Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 15/9/2021 đến nay - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Phú K và Trần Tường T chung sống với nhau như vợ chồng. Do làm ăn thua lỗ nên Lê Phú K bàn bạc với Trần Tường T thuê xe mô tô rồi mang đi cầm cố lấy tiền trả nợ và tiêu xài thì T đồng ý. Bằng thủ đoạn này, cả hai đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 07/12/2019, Lê Phú K, Trần Tường T đến dịch vụ cho thuê xe máy của chị Trần Thị A thuê xe mô tô biển số 75H1- 430.92 (xe đứng Thiên Dương Tuấn V1, chị A mua lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên trong thời hạn 30 ngày với giá 150.000 đồng/ngày để đi lại. K trả trước tiền thuê 05 ngày là 750.000 đồng, giao chứng minh nhân dân của mình cho chị A và cứ 05 ngày đến 10 ngày K sẽ tiếp tục trả tiền thuê xe một lần, khi nào trả xe và trả đủ tiền thuê xe thì chị A sẽ trả lại chứng minh nhân dân cho K. Chị A nghĩ K thuê xe sử dụng như mọi lần, nên đồng ý giao xe cho K. Sau khi thuê, K và T mang xe đến cầm cho chị Nguyễn Thị C, K và T nói dối với chị C là xe của gia đình nên chị C tin tưởng đồng ý cầm 10.000.000 đồng, tiền lãi thỏa thuận 2.000 đồng/1.000.000 đồng /1ngày. Có tiền K và T trả nợ, trả tiền thuê xe cho chị A 2.000.000 đồng và tiêu xài.

Lần thứ hai: Cùng thủ đoạn trên, ngày 02/01/2020, Trần Tường T tiếp tục đến thuê xe của chị A. T nói dối là thuê xe cho em gái sử dụng. Chị A tưởng thật nên giao xe mô tô biển số 75F1-592.44 (xe đứng Thiên Trần Quang M, chị A mua lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên) cho T thuê 20 ngày với giá 150.000 đồng/ngày, T trả trước tiền thuê 05 ngày là 750.000 đồng và giao chứng minh nhân dân của mình cho chị A. Thuê được xe, K và T mang xe đến chị C để cầm như lần trước được 15.000.000 đồng, tiền lãi thỏa thuận 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01ngày. Có tiền K và T trả nợ và tiêu xài. Do đến thời hạn mà K và T không trả 02 xe đã thuê cũng như tiền thuê xe nên chị Trần Thị A viết đơn tố cáo.

Sau khi nhận 02 xe của K và T, chị C mang xe đến nhà chị Nguyễn Thị L1 để gửi lại. Sau đó, chị C đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H 02 xe mô tô đã cầm cố của K và T.

Vật chứng thu giữ:

Nguyễn Thị C giao nộp:

+Xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu trắng, biển số 75H1- 430.92.

+Xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đen đỏ, biển số 75F1- 592.44.

Tại Kết luận định giá tài sản số 160/KL- HĐĐGTS ngày 13/7/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố H xác định tài sản mà Lê Phú K và Trần Tường T tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị:

1. 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 75H1- 430.92 tại thời điểm chiếm đoạt ngày 07/12/2019 là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

2. 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số 75F1- 592.44 tại thời điểm chiếm đoạt ngày 02/01/2020 là 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H ra Quyết định xử lý vật chứng số 178 ngày 15/9/2020 trả lại 02 xe mô tô trên cho chị Trần Thị A.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị A đã nhận lại 02 xe mô tô và số tiền 10.000.000 đồng do hai bị cáo K và T bồi thường tiền thuê xe nên chị A không yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo. Chị Nguyễn Thị C sau khi nhận lại số tiền 13.000.000 đồng từ Trần Tường T thì không yêu cầu gì thêm, số tiền 12.000.000 đồng còn lại sẽ tự thỏa thuận giải quyết với hai bị cáo K và T sau, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2021/HS-ST ngày 10/3/2021 của Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Phú K 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giam bị cáo 18/9/2020.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Tường T (Tên gọi khác: U) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 18/3/2021 bị cáo Trần Tường T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 19/3/2021 bị cáo Lê Phú K có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo nhận tội và vẫn giữ nguyên kháng cáo của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có quan điểm về tính hợp pháp của kháng cáo và Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Đối với kháng cáo của bị cáo Lê Phú K, tại phiên tòa bị

cáo không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo K, giữ nguyên mức án của bản án sơ thẩm. Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Tường T thấy rằng bị cáo K và T tuy không đăng ký kết hôn nhưng chung sống như vợ chồng và hiện có 02 con còn nhỏ, trong vụ án bị cáo có vai trò thứ yếu nên cần xem xét sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt cho bị cáo T và áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo T được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án: Do có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác từ trước nên vào ngày 07/12/2019 và ngày 02/01/2020 tại Kiệt 91B đường T, phường A, thành phố H, Lê Phú K và Trần Tường T đã thuê của chị Nguyễn Thị A hai lần 02 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 75H1 - 430.92 và biển số 75F1-592.44 có trị giá 51.000.000 đồng rồi đưa đi cầm cố cho chị Nguyễn Thị C lấy số tiền 25.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Hành vi nêu trên của hai bị cáo Lê Phú K và Trần Tường T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân thành phố H đã kết án các bị cáo Lê Phú K và Trần Tường T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Phú K, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về hình phạt: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, trong vụ án bị cáo có vai trò chủ mưu. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe trong phòng chống tội phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo Lê Phú K 02 năm 03 tháng tù là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo K không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ mới, khác ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã xem xét tại cấp sơ thẩm. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Tường T, Hội đồng xét xử thấy rằng :

- Về hình phạt: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe trong phòng chống tội phạm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân

thân của bị cáo để xử phạt bị cáo Trần Tường T 01 năm 06 tháng tù là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy bị cáo phạm tội nhiều lần (02 lần) nhưng là do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ và Lê Phú K là người chủ động rủ rê bị cáo T nên bị cáo có vai trò thứ yếu trong vụ án.

Quá trình Cơ quan cảnh sát điều tra khởi tố vụ án thì bị cáo T đang mang thai. Vì vậy, cần phải áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo như hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao tại Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/09/2019 nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng.

Mặt khác, bị cáo Trần Tường T và bị cáo Lê Phú K sống chung như vợ chồng chưa đăng ký kết hôn và có 02 con chung, cháu thứ nhất sinh ngày 05/5/2019; cháu thứ hai sinh ngày 06/12/2020. Hiện tại, các cháu còn quá nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ, do đó cần xem xét cho bị cáo T được hưởng án treo để tạo điều kiện cho bị cáo trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu nhằm thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật. Vì vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo là không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng bảo đảm tác dụng giáo dục bị cáo theo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Phú K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Trần Tường T không phải chi án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên xử :

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Phú K; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Tường T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2021/HS-ST ngày 10/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế về biện pháp chấp hành hình phạt.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Lê Phú K 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giam bị cáo 18/9/2020.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Trần Tường T (Tên gọi khác: U) 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường C, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật T hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Phú K phải chịu 200.000 đồng.

Bị cáo Trần Tường T không phải chi án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I TANDTC;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng PV06 CA tỉnh TT Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh TT Huế;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- CA thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Bị cáo;
- Lưu HS; THCTP; VPTH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Vũ Tiến